

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 41, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm th	Bảng chữ	Ghi chú
1	Vũ Nguyệt Anh	1	55	8.0	Tám	
2	Vũ Đình Bằng	2	61	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Biên	3	57	8.0	Tám	
4	Hầu Thị Minh Chi	4	46	8.0	Tám	
5	Nguyễn Thị Chuyên	5	51	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Mạnh Cường	6	42	7.0	Bảy	
7	Dương Văn Dân	7	33	7.0	Bảy	
8	Dương Văn Đoàn	8	28	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Thị Giang	9	48	8.0	Tám	
10	Nguyễn Thị Hà	10	65	7.5	Bảy rưỡi	
11	Dương Văn Hải	11	29	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Văn Hải	12	23	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Hoa	13	72	7.0	Bảy	
14	Lương Văn Hoan	14	19	7.5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Viết Hoan	15	74	7.0	Bảy	
16	Ma Doãn Hội	16	18	7.0	Bảy	
17	Vũ Văn Hội	17	08	7.0	Bảy	
18	Nông Thị Huệ	18	62	7.5	Bảy rưỡi	
19	Triệu Kim Huệ	19	59	7.0	Bảy	
20	Trương Thế Hưng	20	38	8.0	Tám	
21	Dương Thu Hương	21	58	7.5	Bảy rưỡi	
22	Đỗ Thị Lan Hương	22	20	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hương	23	60	7.0	Bảy	
24	Trần Thị Lan Hương	24	49	7.0	Bảy	
25	Đoàn Đình Khánh	25	35	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Trọng Khánh	26	21	8.0	Tám	
27	Lưu Phong Lan	27	17	7.0	Bảy	
28	Lương Thị Thu Lịch	28	40	7.5	Bảy rưỡi	
29	Hoàng Thanh Liêm	29	54	8.0	Tám	
30	Lê Thị Liễu	30	37	8.0	Tám	
31	Nguyễn Văn Linh	31	10	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Xuân Linh	32	47	7.5	Bảy rưỡi	
33	Ngô Tuấn Long	33	56	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Văn Mạnh	34	71	7.5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Thị Ngân	35	11	7.5	Bảy rưỡi	
36	Đặng Thị Ngọc	36	44	7.5	Bảy rưỡi	
37	Lương Văn Ngọc	37	09	7.0	Bảy	
38	Nguyễn Công Nguyên	38	13	7.0	Bảy	
39	Dương Thị Nguyệt	39	75	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Nguyệt	40	53	7.5	Bảy rưỡi	
41	Chu An Ninh	41	66	8.0	Tám	
42	Đào Thanh Phương	42	34	7.0	Bảy	
43	Nguyễn Thanh Phương	43	24	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Vũ Quang	44	26	7.0	Bảy	
45	Nguyễn Văn Quảng	45	64	8.0	Tám	
46	Bùi Thị Lệ Quyên	46	15	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Minh Thái	47	39	7.0	Bảy	
48	Nguyễn Thị Thái	48	69	6.5	Sáu rưỡi	
49	Đào Văn Thiệt	49	14	7.0	Bảy	
50	Trần Tiến Thịnh	50	31	7.5	Bảy rưỡi	
51	Lã Thị Thom	51	63	8.0	Tám	
52	Trần Thị Bằng Thương	52	27	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Ngô Thị Thúy	53	68	7.0	Bảy	
54	Lường Trọng Trách	54	50	7.5	Bảy rưỡi	
55	Lưu Văn Trình	55	32	7.0	Bảy	
56	Ma văn Trọng	56	12	7.0	Bảy	
57	Tạ Thị Tú	57	43	7.5	Bảy rưỡi	
58	Mai Anh Tuấn	58	52	7.5	Bảy rưỡi	
59	Lê Thị Ái Tuấn	59	70	7.0	Bảy	
60	Ma Thanh Tuấn	60	67	7.5	Bảy rưỡi	
61	Mai Đình Tuấn	61	73	7.0	Bảy	
62	Nguyễn Đức Tùng	62	16	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Tươi	63	22	8.0	Tám	
64	Dương Văn Tuyển	64	30	7.0	Bảy	
65	Dương Đức Vũ	65	36	7.0	Bảy	
66	Đào Văn Vững	66	41	7.0	Bảy	
67	Ma Thị Xuyên	67	45	7.0	Bảy	
68	Nguyễn Thị Tám	68	25	7.5	Bảy rưỡi	
69	Trần Thị Hương Giang	69	01	8.0	Tám	P III.1-K13TPTN
70	Bàn Tài Đức	70	02	6.5	Sáu rưỡi	P III.1-K9 Đồng Hỷ
71	Trịnh Thị Tâm	71	03	8.0	Tám	P III.2-K9 Đồng Hỷ
72	Bùi Thị Thúy Hồng	72	04	7.5	Bảy rưỡi	P III.2-K9 Đồng Hỷ
73	Trần Thị Ngọc Hà	73	05	8.0	Tám	P III.2-K9 Đồng Hỷ
74	Trần Sơn Tùng	74	06	7.0	Bảy	P III.2-K9 Đồng Hỷ
75	Trần Thị Tố Chinh	75	07	7.5	Bảy rưỡi	P III.2-K48 KTT



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**

Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên